

Bản án số: 122/2024/DS-PT.

Ngày: 19/9/2024.

V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ
đóng tàu.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Phượng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thọ
Ông Trần Thế Cẩm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mẫn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:
Ông Lương Quốc Phòng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 7
năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ đóng tàu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024
của Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 55/2024/QĐXXPT-
DS ngày 21/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần đóng tàu B. Địa chỉ: lô 12, 13, 14 Khu
trú bão âu thuyền Thọ Quang, phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, thành phố
Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn Tiểu-
chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Như T1, sinh
năm 1975- chức vụ: Trợ lý Hội đồng quản trị. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Huỳnh
Hoài N- Văn phòng Luật sư Ng thuộc Đoàn Luật sư TP Đà Nẵng. Địa chỉ 353
đường N, phường Hoà Thuận Đông, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng. Có mặt.

1-Bị đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1966. Địa chỉ tại thôn T, xã B,
huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3-Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

-Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (tên
giao dịch BIDV), địa chỉ tháp BIDV số 35 phố Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của BIDV: ông Phan Đức T2- chức vụ:
Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của BIDV: bà Ngô Thị L1- chức vụ: Trưởng phòng quản lý rủi ro của ngân hàng BIDV chi nhánh Quảng Nam. *Có mặt.*

-Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1967. Địa chỉ tại thôn Tân An, xã Bình Minh, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

4. Người kháng cáo: bị đơn ông Trần Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 18/9/2015, giữa Công ty cổ phần đóng tàu B (gọi tắt là Công ty B) và ông Trần Văn L đã ký kết Hợp đồng đóng tàu số 01/HĐKT-ĐT về việc đóng mới tàu vỏ thép hành nghề lưới chụp. Theo Hợp đồng, Công ty B đóng mới cho ông Trần Văn L 01 tàu cá vỏ thép hành nghề lưới chụp theo thiết kế được duyệt với tổng giá trị là 10.770.567.000đ (không bao gồm các hạng mục do ông L tự thực hiện là máy thủy, ngư lưới cụ). Nguồn vốn được thực hiện theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó gồm vốn tự có của ông L và vốn vay của ngân hàng BIDV chi nhánh Quảng Nam.

Công ty B đã thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung được thỏa thuận trong hợp đồng đóng tàu. Tuy nhiên do hạng mục máy thủy mà ông L tự trang bị cho tàu bị sự cố nên tiến độ giao tàu bị chậm trễ. Mặc dù không có lỗi trong trường hợp này, nhưng Công ty B đã tích cực khắc phục sự cố; cho ông L mượn tiền để chi trả nhiều khoản chi phí sửa chữa, mua mới hệ thống máy thủy để sớm đưa tàu vào hoạt động với số tiền 3.523.876.000đ.

Ngày 25/12/2017, giữa Công ty B và ông L đã ký biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và tiến hành thanh lý hợp đồng. Theo biên bản thanh lý hợp đồng thì: Tổng giá trị quyết toán: 11.231.451.000đ; Giá trị đã thanh toán: 3.671.497.500đ; Số tiền còn lại phải thanh toán: 7.559.953.591đ. theo đó, ông L có nghĩa vụ trả số tiền 7.559.953.591đ cho công ty B và thực hiện việc nhận tàu.

Ngày 29/12/2017, tại Âu thuyền Thọ Quang thành phố Đà Nẵng, Công ty B đã bàn giao tàu, giấy chứng nhận xuất xưởng, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá và sổ đăng kiểm tàu cá cho ông L. Vợ chồng ông L đã thực hiện việc ký hợp đồng thế chấp con tàu để vay tiền với BIDV chi nhánh Quảng Nam .

Quá trình giải quyết vụ án trước đây, Công ty B đã rút yêu cầu đối với các khoản chi xử lý sự cố máy chính, chi nộp án phí, chi mua máy mới, chi trục tàu bến bãi và toà án đã đình chỉ giải quyết. Tại phiên toà sơ thẩm ngày 07/6/2024, Công ty B tiếp tục xin rút yêu cầu khởi kiện đối với chi phí lên đà tiến hành thay máy, chỉnh sửa trang thiết bị, nghi khí hàng hải là 589.876.000đ và tiền phạt chậm thanh toán nợ theo biên bản thanh lý hợp đồng ngày 25/12/2017 (từ ngày 31/12/2017 đến 28/10/2022 là 7.559.953.000đ x 4%/360 x 1080 ngày = 1.416.714.591đ).

Công ty B yêu cầu ông L có nghĩa vụ thanh toán cho công ty các khoản tiền còn lại sau:

-Trả tiền dịch vụ đóng tàu còn nợ theo biên bản thanh lý hợp đồng ngày 25/12/2018 là 7.559.953.000đ.

- Trả tiền tạm ứng thay hệ tời là 120.000.000đ.

Tổng cộng là 7.679.953.000đ.

Ý kiến của bị đơn:

Ông Trần Văn L thống nhất, ngày 18/9/2015, ông L có ký kết Hợp đồng đóng tàu số 01/HĐKT-ĐT với công ty B, nội dung thể hiện ông giao cho công ty Công ty B đóng mới cho ông 01 tàu cá vỏ thép hành nghề lưới chụp theo thiết kế được duyệt với tổng giá trị là 10.770.567.000đ (các hạng mục máy thủy, ngư lưới cụ do ông L tự mua sắm, không nằm trong giá trị hợp đồng) theo thiết kế do ông L cung cấp (đã được Trung tâm đăng kiểm tàu cá – Tổng cục Thủy sản phê duyệt). Nguồn vốn được thực hiện theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó gồm vốn tự có của vợ chồng ông L là 5% (700.000.000đ) và vốn vay của BIDV là 95%. Đến năm 2016, khi đưa tàu vào chạy thử thì đã xảy ra sự cố máy chính. Việc tranh chấp về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố máy chính kéo dài, đến nay theo Bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, Công ty L Á đã bồi thường cho ông L số tiền 1.570.000.000đ. Ông L thừa nhận để đảm bảo đưa tàu vào khai thác, Công ty B đã cho ông mượn tiền để mua và lắp đặt lại máy chính. Đến ngày 25/12/2017, hai bên đã ký biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành tàu cá và bản thanh lý hợp đồng, đến ngày 29/12/2017 hai bên ký biên bản bàn giao tàu. Công ty B đã giao cho ông bộ hồ sơ đi vào khai thác gồm giấy chứng nhận xuất xưởng, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, sổ đăng kiểm, giấy chứng nhận đăng ký tàu cá. Tuy nhiên, toàn bộ thủ tục đã ký và nhận với Công ty B là hợp thức thủ tục để BIDV chi nhánh Quảng Nam giải ngân tiền vay chứ thực tế ông L chưa nhận tàu và tàu đang do Công ty B quản lý.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của Công ty B, ông L không đồng ý bởi các lý do:

-Đối với số tiền 7.559.953.000đ. Do hợp đồng đóng tàu giữa ông L và Công ty B là hợp đồng mua bán trọn gói. Vì vậy, ông L không thống nhất với giá trị do Công ty B quyết toán. Giá trị hợp đồng là 10.770.567.000đ, ông L đã thanh toán 3.671.497.500đ nên số tiền còn lại chưa thanh toán là 7.099.070.000đ. Mặc khác, thời hạn giao tàu theo hợp đồng là ngày 30/4/2016 nhưng thực tế đến nay công ty B vẫn chưa bàn giao tàu cho vợ chồng ông L nên nghĩa vụ trả tiền đóng tàu chưa phát sinh.

- Đối với chi phí thay hệ tời 120.000.000đ: hệ tời mà công ty B lắp ráp trên tàu không phù hợp với nhu cầu đánh bắt của ông nên ông có yêu cầu thay đổi hệ tời. Trong các cuộc họp, Ban chỉ đạo NĐ 67/CP của tỉnh Quảng Nam yêu cầu Công ty B hỗ trợ ông L sửa chữa máy chính, cải hoán tời và Công ty B đã đồng ý hỗ trợ nên Công ty B không thể yêu cầu ông trả khoản tiền này được.

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan Nguyễn Thị T: Thống nhất với ý kiến của ông Trần Văn L .

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan BIDV: Thực hiện Nghị định 67/2014/CP của Chính phủ, BIDV Chi nhánh Quảng Nam cho ông Trần Văn L vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/7250053/HĐTD ngày 26/12/2016, hạn mức cho vay 14.530.000.000đ (trong đó đã bao gồm dư nợ vay dài hạn chuyển tiếp từ hợp đồng tín dụng số 01/2015/7250053/HĐTD ngày 21/9/2015) mục đích vay là đầu tư đóng mới tàu vỏ thép khai thác hải sản xa bờ, thời hạn 192 tháng. Khoản nợ vay được bảo đảm theo hình thức thế chấp tài sản hình thành trong tương lai. Hiện tại tàu QNa-94679TS và các trang thiết bị kèm theo của vợ chồng ông Trần Văn L đang được thế chấp cho BIDV chi nhánh Quảng Nam để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của khoản vay trên và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, BIDV Quảng Nam đã căn cứ hợp đồng đóng tàu số 01/HĐKT-ĐT ngày 18/9/2015 để giải ngân 02 lần cho công ty B tổng cộng số tiền 3.672.497.500đ. hiện khoản vay của ông L tại BIDV Quảng Nam đã quá hạn và ngân hàng đã khởi kiện ông L trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng tại TAND TP Tam Kỳ, đã được TAND TP Tam Kỳ thụ lý vụ án số 59/TB-TLVA ngày 27/4/2020.

Do công ty B hiện đang quản lý con tàu là tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông Trần Văn L nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết tranh chấp giữa công ty B và ông L theo quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng BIDV.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ các điều Áp dụng Điều 430, Điều 433, Điều 440 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần đóng tàu B, buộc ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Tám có nghĩa vụ L đối trả cho Công ty cổ phần đóng tàu B các khoản tiền nợ của Hợp đồngkinh tế số 01/2015/HĐKT ngày 18/9/2015 về việc đóng mới tàu đánh cá số hiệu QNa 94679TS như sau:

-Số tiền còn lại phải thanh toán theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 25/12/2017 là 7.559.953.000đ

-Số tiền tạm ứng để thay tời là 120.000.000đ.

Tổng cộng là: 7.679.953.000đ (Bảy tỷ sáu trăm bảy mươi chín triệu chín trăm năm mươi ba ngàn đồng y).

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Tám còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị T được nhận lại con tàu mang số hiệu QNa-94679-TS, đang được neo đậu tại triền đà Công ty cổ phần đóng tàu B,

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/6/2024, bị đơn ông Trần Văn L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét kháng cáo của bị đơn thì thấy trên cơ sở tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thể hiện: Giữa ông Nguyễn Văn L đã ký kết hợp đồng đóng mới tàu cá vỏ thép Hợp đồng đóng tàu số 01/HĐKT-ĐT ngày 18/9/2015. Việc lỗi hỏng máy chính đã có kết luận không phải lỗi của Công ty B. Ngày 25/12/2017, giữa Công ty B và ông L đã ký biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và tiến hành thanh lý hợp đồng. Theo biên bản thanh lý hợp đồng thì: Tổng giá trị quyết toán: 11.231.451.000đ; Giá trị đã thanh toán: 3.671.497.500đ; Số tiền còn lại phải thanh toán: 7.559.953.591đ. theo đó, ông L có nghĩa vụ trả số tiền 7.559.953.591đ cho công ty B và thực hiện việc nhận tàu. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty B là có căn cứ nên đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên án sơ thẩm. Tuy nhiên đề nghị HĐXX buộc Công ty B bàn giao tàu cho ông L bà T phải trong tình trạng hoạt động bình thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn L thì thấy:

- Về thủ tục tố tụng: Việc kháng cáo của đơn là ông Trần Văn L được thụ lý đúng điều kiện, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên kháng cáo là hợp pháp.

- Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ngày 18/9/2015, ông L có ký kết Hợp đồng đóng tàu số 01/HĐKT-ĐT với công ty B, nội dung thể hiện ông L giao cho công ty Công ty B đóng mới 01 tàu cá vỏ thép hành nghề lưới chụp theo thiết kế được duyệt với tổng giá trị là 10.770.567.000đ (các hạng mục máy thủy, ngư lưới cụ do ông L tự mua sắm, không nằm trong giá trị hợp đồng) theo thiết kế do ông L cung cấp (đã được Trung tâm đăng kiểm

tàu cá – Tổng cục Thủy sản phê duyệt). Thời hạn của hợp đồng là 180 ngày kể từ ngày nhận được tiền tạm ứng đầu tiên của bên B và nhận được đầy đủ hồ sơ kỹ thuật để triển khai thiết kế công nghệ và đảm bảo điều kiện sản xuất. Quá trình thực hiện hợp đồng, khi đưa tàu vào chạy thử thì xảy ra sự cố đối với máy thủy là hạng mục do ông L cung cấp.

- Về thời hạn bàn giao tàu: Ông L cho rằng Công ty B đã vi phạm về thời hạn bàn giao con tàu, cụ thể: thời hạn giao tàu theo hợp đồng là ngày 30/4/2016 nhưng thực tế đến nay công ty B vẫn chưa bàn giao tàu cho vợ chồng ông L nên nghĩa vụ trả tiền đóng tàu chưa phát sinh. Xét ý kiến của ông L thì thấy:

Thứ nhất, Trước thời điểm giao tàu theo thỏa thuận, ngày 29/03/2016 thì phát hiện sự cố đối với máy thủy (máy chính) nên thời hạn bàn giao tàu bị kéo dài. Điều V của hợp đồng hai bên thỏa thuận “*thời hạn giao tàu phụ thuộc vào thời hạn cung cấp máy chính... và có thể được hai bên đồng ý gia hạn trong những trường hợp cần thiết theo các điều khoản, điều kiện quy định trong hợp đồng*”, tại điều XIX của hợp đồng thể hiện “*Bên A sẽ bằng các chi phí của mình và chịu rủi ro, cung cấp và giao cho bên B tất cả các hạng mục trang thiết bị được ghi trong thiết kế là do bên A cung cấp...*” “*trong mọi trường hợp bên B sẽ không chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả và/hoặc tính năng của những hạng mục do bên A cung cấp*”, máy chính là hạng mục do ông L cung cấp bị hư hỏng nên Công ty B không bàn giao tàu đúng thời hạn thỏa thuận được, việc máy chính bị hỏng là lỗi của Công ty cổ phần tập đoàn L Á đối với ông L, không phải do lỗi của Công ty B, đã được kết luận tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 12/2018/KDTM-PT ngày 30/01/2018 của TAND tỉnh Quảng Nam và Quyết định giám đốc thẩm số 20/2018/KDTM-GĐT ngày 30/11/2018 của TAND Cấp cao tại TP Đà Nẵng. Đồng thời ngày Biên bản bàn giao tàu ngày 29/12/2017 thể hiện: “*Bên A bàn giao cho Bên B tàu cá vỏ thép nghề lưới chum, có ký hiệu thiết kế LC26.00, công suất 940CV tại Hợp đồng kinh tế số 01/2015/HĐKT ký ngày 18/9/2015 giữa Công ty CP đóng tàu B và chủ tàu Trần Văn L nay có số hiệu đăng ký QNa 94679TS. Tình trạng thực tế bàn giao: Tàu được trang bị đầy đủ các thiết bị và hệ thống đúng như thiết kế kỹ thuật cũng như đúng với bản hồ sơ lý lịch tàu kèm theo, các trang thiết bị đó đều hoạt động tốt theo đúng chức năng.*” Ông L đã ký xác nhận vào biên bản bàn giao tàu. Như vậy việc Công ty B bàn giao tàu chậm không phải do lỗi của Công ty B.

Thứ hai, ông L thừa nhận ngày 29/12/2017 hai bên ký biên bản bàn giao tàu. Công ty B đã giao cho ông bộ hồ sơ đi vào khai thác gồm giấy chứng nhận xuất xưởng, giấy chứng nhận an toàn lý thuật tàu cá, sổ đăng kiểm, giấy chứng nhận đăng ký tàu cá. Con tàu số hiệu QNa-94679TS là tài sản của vợ chồng ông, đã được vợ chồng ông ký hợp đồng thế chấp để vay tiền Ngân hàng BIDV chi nhánh Quảng Nam. Tuy nhiên, toàn bộ thủ tục đã ký và nhận với Công ty B là hợp thức thủ tục để ngân hàng BIDV chi nhánh Quảng Nam giải ngân tiền vay chứ thực tế ông L chưa nhận tàu và tàu đang do Công ty B quản lý. Tuy nhiên theo quy định tại Điều II, V và VI của hợp đồng thì ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc giao tàu chưa được tiến hành trên thực tế. Mục 5.2 quy định: “*Nếu bên A và bên B đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng thì việc giao tàu sẽ được tiến hành sớm nhất thông qua việc hai*

bên ký, đóng dấu vào biên bản giao nhận tàu...”. Đồng thời tại bản thanh lý hợp đồng ký ngày 25/12/2017 các bên cũng đã thỏa thuận: *Bên A (ông Trần Văn L) chuyển trả toàn bộ số tiền còn lại là 7.559.953.591 đồng cho bên B (công ty cổ phần đóng tàu B) trước khi tàu bàn giao.* Như vậy theo Hợp đồng và Bản Thanh lý Hợp đồng thì ông L phải có nghĩa vụ thanh toán theo tiến độ để giao nhận tàu, do ông L chưa thanh toán nên Công ty B chưa bàn giao tàu là đúng thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng và phù hợp với quy định tại Điều 513, 519 Bộ luật dân sự. Do đó ông L trình bày do Công ty B chưa bàn giao tàu nên ông không có nghĩa vụ phải trả tiền là không có căn cứ.

- Về số tiền thực tế còn lại phải thanh toán theo yêu cầu nguyên đơn là 7.559.953.591đ. Ông L đã thống nhất số tiền còn lại phải thanh toán cho Công ty B là 7.559.953.591đ theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 25/12/2017 là 7.559.953.000đ. Sự thống nhất này phù hợp với thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng, cụ thể tại Điều II của hợp đồng đóng tàu, hai bên thỏa thuận: *“Trong trường hợp Bên A có yêu cầu thay đổi chủng loại vật tư, thiết bị khác với Dự toán giá thành đã ký kết thì hai bên sẽ thống nhất phân chi phí phát sinh tăng lên hay giảm đi bằng phụ lục hợp đồng cụ thể để là cơ sở thanh quyết toán”.* Như vậy Hợp đồng đã thể hiện có thể có chi phí phát sinh tăng hoặc giảm. Ông L đã thống nhất phân chi phí tăng thêm tại Biên bản thanh lý hợp đồng, sự thống nhất này là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

- Về số tiền hoán cải tời: Ông L đã thừa nhận tại các Giấy đề nghị ngày hệ tời hiện tại công ty B thi công theo đúng thiết kế được duyệt nhưng không phù hợp với việc khai thác trên biển. Như vậy ông L đã thừa nhận Công ty B thi công hệ tời theo đúng thiết kế, việc ông L muốn hoán cải thì ông phải chịu trách nhiệm về việc thay hệ tời mới. Do ông đã tạm ứng tiền của Công ty B do đó ông phải chịu trách nhiệm hoàn trả tiền đã tạm ứng để thay thế hệ tời cho công ty B.

Do ông L và bà T là vợ chồng, tài sản là con tàu hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông bà nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông bà có nghĩa vụ trả cho Công ty B số tiền còn nợ của hợp đồng đóng tàu là 7.559.953.000đ và 120.000.000đ tiền chi phí thay tời, tổng cộng là 7.679.953.000đ và nhận lại tàu QNa 94679TS là phù hợp. Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc buộc Công ty B phải bàn giao tàu trong điều kiện hoạt động bình thường là không căn cứ vì Công ty B không chịu trách nhiệm đối với máy chính của công tàu nên không thể bàn giao tàu hoạt động bình thường.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty B về việc buộc ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả tiền là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của Kiểm sát viên. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ, các đương sự không kháng cáo nên HĐXX không xem xét.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo nên bị đơn ông Trần Văn L phải chịu án phí DS-PT theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2024/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26, Điều 147, 271, 273, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 513, Điều 515, Điều 519 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”, tuyên xử:

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần đóng tàu B, buộc vợ chồng ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Tám có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần đóng tàu B các khoản tiền nợ của Hợp đồng dịch vụ đóng tàu số 01/2015/HĐKT ngày 18/9/2015 gồm:

-Số tiền còn lại phải thanh toán theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 25/12/2017 là 7.559.953.000đ

-Số tiền tạm ứng để thay tài là 120.000.000đ.

Tổng cộng là: 7.679.953.000đ (Bảy tỷ sáu trăm bảy mươi chín triệu chín trăm năm mươi ba ngàn đồng y).

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Tám còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

-Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị T phải chịu 115.680.000đ (Một trăm mười lăm triệu sáu trăm T mươi ngàn y) án phí dân sự sơ thẩm.

-Hoàn trả cho Công ty cổ phần đóng tàu B số tiền 59.726.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 20755 ngày 12/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thăng Bình.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn L phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DS-PT số 8616 ngày 20/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện Thăng Bình;
- Chi cục THADS huyện Thăng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Minh Phượng